

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cư, ông Nguyễn Văn Quyết.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2020 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 26A/2020/QĐHPT ngày 30/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1986.

- Bị đơn: Anh **Cao Văn H1**, sinh năm 1980.

ĐKKHKT và hiện cư trú: Khu 16, phường N, thành phố K, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh H1 đều vắng mặt tại phiên tòa (chị H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Cao Văn H1 được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố K, tỉnh Hải Dương ngày 08 tháng 11 năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không

tôn trọng nhau nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Cao Minh D, sinh ngày 03/11/2008. Khi ly hôn chị xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H1, tuy nhiên anh H1 không đến Tòa án làm việc theo quy định. Anh H1 cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại biên bản lấy lời khai người thân hai bên gia đình chị H, anh H1 thể hiện: Vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, thường xuyên nghi ngờ nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hai bên gia đình đã hòa giải động viên nhưng không cải thiện được. Do vậy, chị H xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định; Về con chung thống nhất như quan điểm của chị H đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho cháu D; Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H, anh H1 sinh sống xác định: Anh H1 đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại khu 16 phường N, thành phố K. Chị H, anh H1 có đăng ký kết theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên nghi ngờ nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng có 01 con chung là Cao Minh D, sinh ngày 03/11/2008. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định bảo đảm quyền lợi cho các đương sự và cháu D.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H. Xử cho chị H ly hôn anh Cao Văn H1; Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Cao Minh D, sinh ngày 03/11/2008, anh H1 không phải cấp dưỡng tiền

nuôi con chung. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình theo quy định được trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết vụ án hôn nhân của chị với anh H1, hiện anh H1 đang sinh sống tại khu 16 phường N, thành phố K. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh H1 là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Cao Văn H1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố K, tỉnh Hải Dương ngày 08 tháng 11 năm 2005. Do vậy quan hệ hôn nhân của chị H, anh H1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ và tin tưởng nhau trong cuộc sống. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc chứng tỏ anh H1 không còn tình cảm với chị H và không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị H, anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Cao Văn H1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Cao Minh D, sinh ngày 03/11/2008. Từ khi ly thân, cháu D ở cùng chị H. Chị xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Cháu D có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng chị H. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định cho cháu D cần giao cháu Cao Minh D cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên. Anh H1 không có quan điểm về vấn đề này nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Cao Văn H1.

- *Về con chung:* Giao cháu Cao Minh D, sinh ngày 03/11/2008 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Cao Văn H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- *Về án phí:* Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0001120 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Lê Thị H, anh Cao Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường N, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương để lưu hồ tịch;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan